TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ A - TỈNH GIA LAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 26/2021/DS-ST
Ngày: 14/9/2021
"*V/v tranh hợp đồng vay tài sản*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ A - TỈNH GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Long Sơn.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phan Đình Nguyên.
2. Bà Nguyễn Thị Ngọc Lan.

- ***Thư ký phiên tòa***: Ông Phạm Hồng Huy – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã A, tỉnh Gia Lai.

Ngày 14 tháng 9 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã A, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 57/2021/TLST-DS ngày 02/8/2021 về việc việc "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 36/2021/QĐXXST-DS ngày ngày 27 tháng 8 năm 2021, giữa các đương sự:

- ***Nguyên đơn***: Ông Nguyễn T, sinh năm 1981; địa chỉ: Thôn 4, xã E, thị xã A, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

- ***Bị đơn***: Bà Lê Thị L, sinh năm: 1979; địa chỉ: Thôn 4, xã E, thị xã A, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà nguyên đơn ông Nguyễn T trình bày:

Vào năm 2018 ông T có cho bà Lê Thị L mượn (vay) số tiền 110.000.000đ để làm ăn buôn bán, bà L hứa khi nào ông T cần tiền sẽ trả lại, đến nay khi ông T đến hỏi lại nhiều lần nhưng bà L vẫn không trả, cứ hẹn đi hẹn lại. Do đó ông T yêu cầu Tòa án buộc bà Lê Thị L phải hoàn trả số tiền còn nợ là 110.000.000đ (*Một trăm mười triệu đồng*).

Ông T có cung cấp cho Tòa chứng cứ là "Giấy mượn tiền" đề ngày 01/11/2018 (AL) tức ngày 07/12/2018 dương lịch.

Tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn ông T giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu Tòa buộc bà L phải trả cho ông số tiền 110.000.000đ, ngoài ra ông không yêu cầu gì khác.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà bị đơn bà Lê Thị L trình bày:

Bà L chỉ thừa nhận có nợ ông T 60.000.000đ tiền gốc, khi vay tiền hai bên thỏa thuận miệng với lãi suất 3.000đ/ ngày/1.000.000đ; từ khi vay bà L đã trả tiền lãi cho ông T số tiền lãi hàng tháng đều đặn đến khoản tháng 11 năm 2020 thì không trả nữa, trong thời gian đó có những tháng bà L không trả lãi thì ông T nói bà L viết giấy nợ riêng ra. Bà L không nhớ đã trả lãi cho ông T bao nhiêu tháng cũng không nhớ không trả lãi bao nhiêu tháng. Bà L thừa nhận chữ viết và chữ ký trong "Giấy mượn tiền" mà ông T cung cấp cho Tòa là của bà L. Bà L xin ông T cho phần tiền lãi là 50.000.000đ và xin trả dần cho ông T số tiền gốc 60.000.000đ, hàng tháng trả 2.000.000đ cho đến khi hết nợ.

Tại phiên tòa hôm nay bị đơn bà L thừa nhận có vay và hiện còn nợ ông T số tiền 110.000.000đ, thừa nhận chứng cứ là "Giấy mượn tiền" mà ông T cung cấp cho Tòa là giấy do chính bà L viết. Bà L cho rằng hiện tại bà đang lâm vào tình trạng khó khăn nên xin ông T cho bà trả dần số nợ trên mỗi tháng 2.000.000đ cho đến khi hết nợ.

Bà L không cung cấp được tài liệu, chứng cứ nào tại phiên phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, qua nghe lời trình bày của nguyên đơn, bị đơn tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Nguyên đơn ông T yêu cầu Toà án giải quyết buộc bà Lê Thị L; địa chỉ: Thôn 4, xã E, thị xã A, tỉnh Gia Lai phải trả lại tiền đã vay. Theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, thì đây là vụ án "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản", thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã A, tỉnh Gia Lai.

[2] Về pháp luật áp dụng: Giao dịch vay tiền do hai bên xác lập vào năm 2018, nên áp dụng Bộ Luật dân sự 2015 để giải quyết.

[3] Về nội dung tranh chấp: Nguyên đơn ông T yêu cầu bà L phải trả cho ông T số tiền đã vay là 110.000.000đ, tại phiên tòa hôm nay bà L thừa nhận còn nợ ông T số tiền này ông T đòi nhưng bà chưa trả ông T được, vì vậy đây là điều không cần phải chứng minh.

Bà L cho rằng hiện tại bà đang lâm vào hoàn cảnh khó khăn, bà xin ông T cho bà trả dần mỗi tháng 2.000.000đ cho đến khi hết nợ. Điều này không được ông T đồng ý. Nên Hội đồng xét xử không có cơ sở để chấp nhận đề xuất này của bà L.

Do vậy cần buộc bà L trả cho ông T số tiền 110.000.000đ như ông T khởi kiện.

Ông T không yêu cầu trả lãi nên hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí: Bị đơn bà Lê Thị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm tương ứng với phần yêu cầu của nguyên đơn đối với bị đơn được Toà án chấp nhận là 110.000.000đ x 5% = 5.500.000đ (Năm triệu năm trăm nghìn đồng).

Nguyên đơn ông T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho ông T số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92, khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 463, khoản 1 Điều 469 của Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

1. Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn T.

Buộc bà Lê Thị L phải trả cho ông Nguyễn T số tiền 110.000.000đ (*Một trăm mười triệu đồng*).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. *Về án phí*: Buộc bà Lê Thị L chịu án phí dân sự sơ thẩm với số tiền là 5.500.000đ (*Năm triệu năm trăm nghìn đồng*).

Hoàn trả cho ông Nguyễn T số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 2.750.000đ theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0010122 ngày 02/8/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã A.

3. Thời hạn kháng cáo: Trong thời hạn 15 *(mười lăm)* ngày, kể từ ngày tuyên án (14/9/2021), các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai giải quyết lại theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Gia Lai
- VKSND thị xã A;
- Chi cục THADS TX A;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Lê Long Sơn